

**HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)
CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM
VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP
OPPORTUNITIES AND CHALLENGES TO VIET NAM AND THE MEKONG RIVER DELTA**

Phạm Văn Tài¹
Nguyễn Văn Nguyễn²

Tóm tắt

Gia nhập TPP là một bước phát triển mới của tiến trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Bước tiến triển này đương nhiên là có lợi cho sự phát triển nhiều mặt của kinh tế và xã hội của Việt Nam.

Gia nhập TPP sẽ được hưởng những lợi ích lớn về thuế quan, các bên được bình đẳng với nhau trong TPP. Nhưng, TPP không có quy chế đặc biệt cho các nước đang phát triển như Việt Nam, khi xét về điều kiện, năng lực kinh tế, thách thức sẽ phải đối diện thì rõ ràng cần phải tính toán kỹ về mức độ tham gia. TPP có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp thiên về thương mại thuần túy được lợi nhưng sức ép về mở cửa thị trường, cạnh tranh đối với các doanh nghiệp của Việt Nam, vốn còn yếu, khả năng quản lý còn nhiều bất cập. Nếu không có sự chuẩn bị tốt, nhiều ngành sản xuất và dịch vụ có thể sẽ gặp khó khăn. Tuy nhiên, TPP cũng sẽ mang đến không ít thách thức đối với nền kinh tế. Đây cũng chính là một cơ hội đưa Việt Nam xích gần hơn đến những tiêu chuẩn mang tính toàn cầu. Do đó, TPP cũng là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng để có thể tận dụng được tối đa những lợi ích từ TPP.

Từ khóa: TPP, thách thức, cơ hội, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương.

1. Đặt vấn đề

TPP là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển một cách bền vững của các thành viên. Tuy nhiên, vì trình độ nền tảng kinh tế không đồng đều giữa các nước thành viên, các nước tham gia TPP có thể được chia ra thành hai

¹ Trưởng Khoa Kinh tế Quốc tế, Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại TP. HCM

² Viện trưởng Viện Phát triển Nguồn lực, Trường Đại học Trà Vinh

Abstract

Joining TPP is a new development step of the international economic integration of Vietnam. This progress is certainly conducive to the development of many aspects of the economy and society of Vietnam.

Joining the TPP will get the great benefits of tariff and the parties are equal in the TPP. However, the TPP has no special regulations for developing countries like Vietnam. When considering the conditions, the economic capacity and the challenges, we need to calculate carefully the level of joining. The TPP can create favorable conditions for import and export enterprises. Commercial enterprises will get benefits but pressure on the market opening, competitive enterprises of Vietnam are still weak and the management capacity has many shortcomings. Without good preparation, many industries and services can be difficult. However, it will bring many challenges to the economy. This is also an opportunity to bring Vietnam closer to the global standards. Therefore, the TPP is also an opportunity for Vietnam to further promote the work of restructuring the economy, transforming the growth model to take advantage of the maximum benefit from the TPP.

Keywords: TPP, challenge, opportunity, Trans-Pacific Partnership.

nhóm: các nước có nền kinh tế phát triển cao và các nước có nền kinh tế đang phát triển. Điều đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam vì có lợi thế về xuất khẩu dệt may, thủy sản giống như Việt Nam chưa phải là thành viên của TPP khiến cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được hưởng nhiều ưu đãi hơn tại thị trường các nước TPP. Về tiếp cận thị trường, đây sẽ là một lĩnh vực mà các nền kinh tế

với trình độ phát triển chưa cao cần chú ý khai thác hơn trong tương lai khi tham gia TPP. Các ngành sản xuất trong nước, tương tự cũng sẽ có được các nguồn nguyên liệu đầu vào nhập từ các nước đối tác với giá cả rẻ hơn, giúp giảm chi phí sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm đầu ra. Đó là một động lực mạnh mẽ để phát triển nền kinh tế và thị trường tiềm năng. TPP hứa hẹn sẽ đem lại tầm cao mới cho chất lượng dịch vụ cũng như tạo ra thị trường cạnh tranh mạnh mẽ buộc các doanh nghiệp trong nước phải cải tiến và phát triển. Ngoài ra, Việt Nam tham gia TPP là một cơ hội để rà soát lại hệ thống pháp luật và cơ quan nhà nước, giúp cho hệ thống pháp luật, thể chế trở nên nhất quán hơn, hài hòa với các quy định luật pháp quốc tế. Điều này sẽ mang ý nghĩa kinh tế lâu dài to lớn cho cả nền kinh tế. Về sự minh bạch trong mua sắm công, đặc biệt Việt Nam trước nay vẫn thường bị coi là thiếu minh bạch, sẽ trở nên công bằng, minh bạch hơn. Về bảo vệ môi trường và người lao động, các yêu cầu về môi trường và lao động trong TPP cũng là cơ hội để các nước này bảo vệ tốt hơn chất lượng môi trường và cuộc sống của người lao động (Doãn Thị Phương Anh 2015). Bên cạnh những thuận lợi trên, Hiệp định này cũng đặt ra những khó khăn thách thức không nhỏ. Đó là, cạnh tranh sẽ diễn ra quyết liệt không chỉ ở thị trường các nước tham gia Hiệp định mà ngay tại thị trường trong nước trên cả ba cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia – đặc biệt là cạnh tranh về chất lượng thể chế và môi trường kinh doanh. Trước sức ép cạnh tranh, một số doanh nghiệp sau thời gian chuyển đổi, tái cơ cấu nếu không vươn lên được có thể phải giải thể hoặc phá sản, một bộ phận người lao động sẽ mất việc làm; khu vực nông nghiệp và nông dân dễ bị tổn thương; khoảng cách giàu nghèo sẽ ngày càng tăng nếu chúng ta không thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển nhanh, bền vững và bảo đảm cho mọi người dân đều được hưởng thành quả của tăng trưởng. Thách thức về thực thi cũng rất lớn từ hoàn thiện hệ thống pháp luật đến đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cán bộ, công chức, chuyên gia kỹ thuật và pháp lý.

Đồng bằng sông Cửu Long có số lượng doanh nghiệp chiếm khoảng 10% số doanh nghiệp cả nước với hơn 50.000 doanh nghiệp hoạt động trên nhiều lĩnh vực, có lợi thế cạnh tranh nhiều nhất so với các khu vực khác trong cả nước. Đặc biệt, việc hội nhập quốc tế với nền tảng vững chắc sẽ thúc đẩy phát triển nông thủy sản, thương mại dịch vụ, bất động sản cũng như những lợi thế mà doanh nghiệp cần tận dụng để nâng cao sức cạnh tranh. Chính vì thế, vấn đề đặt ra chính là phải kịp thời cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực hội nhập cho các doanh nghiệp. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng cần chú trọng tăng cường nội lực, tái cấu trúc doanh nghiệp; quản lý tốt dòng tiền, nâng cao mức thanh khoản, quản lý tốt chi phí sản xuất, công nợ. TPP thì các doanh nghiệp trong nước cần liên kết với nhau để tận dụng tốt cơ hội; đồng thời ứng phó tốt với các thách thức, tập trung phát triển sản phẩm mới, thị trường mới, thay đổi mẫu mã, bao bì theo hướng đa dạng. Từ đó, các doanh nghiệp mới có thể đứng vững trên thị trường nội địa, củng cố vị trí trên thị trường quốc tế và chủ động hơn trong kinh doanh. Trong sản xuất, vùng ĐBSCL còn gặp một số khó khăn như sản xuất ít được tổ chức tập trung để tạo sản lượng lớn, đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu, quản lý chất lượng và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; quy trình sản xuất, công nghệ áp dụng trong sản xuất, chế biến nông - thủy sản chưa được doanh nghiệp đầu tư mạnh nên năng suất, chất lượng và giá thành còn những hạn chế nhất định, ảnh hưởng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Thương hiệu doanh nghiệp và sản phẩm của vùng còn manh mún, phân tán, chưa có sự liên kết nên hạn chế trong cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, trong điều kiện công nghệ thông tin phát triển, các giao dịch xuyên biên giới ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong thương mại, dịch vụ toàn cầu; cùng với những tiến bộ trong vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics, ranh giới giữa thị trường trong nước và nước ngoài gần như bị san phẳng. Hệ quả là các mô hình công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu hoặc hướng về xuất khẩu

không còn nguyên ý nghĩa kinh điển của nó. Nhiều quốc gia chuyển sang mô hình công nghiệp hóa dựa trên sức cạnh tranh, khai thác và tạo lập lợi thế so sánh, chuyển lợi thế so sánh thành lợi thế cạnh tranh, tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; đồng thời phân đấu chiếm lĩnh các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị đó (Doãn Thị Phương Anh 2015).

2. Nội dung

2.1. Cơ hội và thuận lợi đối với Việt Nam khi tham gia TPP

Thứ nhất, tham gia TPP là cơ hội để Việt Nam mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa.

Việt Nam là nước tiềm năng lớn về phát triển nông nghiệp với điều kiện tự nhiên thuận lợi, sản xuất nông nghiệp quanh năm. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo vào 06 nước TPP (Hoa Kỳ, Brunei, Malaysia, Australia, Singapore, Mexico) chiếm khoảng hơn 12% tổng xuất khẩu gạo của Việt Nam. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/01/2015, Mexico áp dụng trở lại mức thuế suất 20% đối với mặt hàng gạo và 9% đối với mặt hàng lúa. Còn các thị trường còn lại trong TPP, lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam không đáng kể, một phần do bảo hộ sản xuất trong nước. Đối với thị trường Nhật Bản, mức thuế suất được áp dụng ở mức rất cao, lên đến 1.066%. Thuế suất cao cộng với hàng rào kỹ thuật khiến cho mặt hàng gạo rất khó tiếp cận được thị trường Nhật Bản. Việc tiếp cận các thị trường lớn với thuế suất từ 0-5% sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh lớn và triển vọng phát triển cho nhiều ngành hàng, đặc biệt là ngành dệt may, da giày, thủy sản, lúa gạo, hạt tiêu, điều, cao su, đồ gỗ... của Việt Nam. Các nhóm hàng này sẽ có cơ hội được xuất khẩu sang các nước TPP như Mỹ và Nhật Bản. Dệt may nói chung được coi là ngành được hưởng lợi cao nhất do vị trí vững vàng của ngành trong chuỗi cung ứng toàn cầu và chi phí lao động tương đối thấp của Việt Nam. Các quan chức của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) ước tính rằng khi TPP có hiệu lực, kim ngạch xuất khẩu của ngành này có thể tăng gấp đôi (Viet Nam

News 2015). Do cứ 1 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may tăng thêm sẽ tạo ra khoảng 250.000 việc làm các loại (Bộ Công Thương, 2015, tr. 10), TPP sẽ là một công cụ cần thiết cho Việt Nam để giải quyết vấn đề thất nghiệp, từ đó tránh được bất ổn xã hội. Ngành da giày nhiều khả năng sẽ đóng vai trò tương tự do cũng được kỳ vọng là sẽ được hưởng lợi đáng kể từ TPP.

Thứ hai, tham gia TPP là cơ hội cho Việt Nam hội nhập sâu hơn vào thị trường tài chính thế giới và mở rộng đầu tư.

Tham gia TPP chắc chắn thúc đẩy đầu tư của các nước vào Việt Nam, các luồng vốn đầu tư quốc tế vào Việt Nam cũng sẽ tăng mạnh, tạo thuận lợi cho hệ thống ngân hàng tăng cường thanh khoản và tiếp cận các nguồn vốn quốc tế với chi phí thấp hơn. Tính đến nay, đầu tư trực tiếp của các nước TPP vào Việt Nam đạt hơn 100 tỷ USD vốn đăng ký của những dự án còn hiệu lực, chiếm gần 40% tổng lượng vốn FDI của Việt Nam. Dòng vốn từ nhiều nước thành viên TPP có trình độ phát triển cao có thể mang lại những lợi ích lan tỏa đáng kể về công nghệ và kỹ năng quản lý, hay các lĩnh vực dịch vụ có giá trị gia tăng cao hơn. Mức tăng đầu tư sẽ giúp thúc đẩy sự hình thành vốn cố định và tạo cơ hội cho Việt Nam khai thác các lợi thế tiềm năng về nông nghiệp. Tuy nhiên, do hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế nên việc tiếp cận dịch vụ ngân hàng vẫn ở mức thấp so với một số nước trong khu vực và trên thế giới. Tỷ lệ chi nhánh và phòng giao dịch trên 100.000 người dân Việt Nam là 3,17, thấp hơn nhiều so với Thái Lan là 11,7; Indonesia là 9,59 và các nước OECD là 27(4). Mức độ phân bố các chi nhánh và phòng giao dịch tại Việt Nam chưa đồng đều, chỉ tập trung ở những thành phố lớn. Điều này làm tăng cơ hội cho các ngân hàng quốc tế tiếp cận thị phần khách hàng, ảnh hưởng tới thị trường tiềm năng của các ngân hàng trong nước.

Thứ ba, tham gia TPP tạo điều kiện cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp

Các doanh nghiệp nhà nước có vai trò quan

trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Ví dụ, trong năm 2013, mặc dù chỉ chiếm 0,9% tổng số doanh nghiệp và sử dụng 13,5% lực lượng lao động, doanh nghiệp nhà nước chiếm 32,2% GDP của Việt Nam và 40,4% tổng đầu tư hàng năm của cả nước (Tổng cục Thống kê, 2015, tr. 62, 75–78, 103).

Tham gia TPP, các doanh nghiệp nhà nước sẽ không còn được hưởng các ưu đãi hay đặc quyền về điều kiện tiếp cận vốn và quyền được bảo hộ. Điều này sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tư nhân phát triển và cạnh tranh bình đẳng, đồng thời tạo sức ép thúc đẩy các doanh nghiệp nhà nước chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, phạm vi áp dụng các quy tắc đối với doanh nghiệp nhà nước chỉ ở lĩnh vực hàng hóa mà không áp dụng đối với lĩnh vực dịch vụ, nghĩa là chính phủ các nước TPP không bị hạn chế trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước cung ứng dịch vụ tại thị trường nội địa. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhà nước hoạt động tại các lĩnh vực có nguồn vốn lớn, được kỳ vọng cao trong việc cơ cấu lại (tài chính, viễn thông, y tế, giáo dục, phân phối,...) của Việt Nam không bị tác động chi phối của TPP nên áp lực đổi mới không cao. Việc gia nhập TPP sẽ giúp Việt Nam giao dịch thương mại tự do hơn, giảm sự tham gia của nhà nước trong nền kinh tế, giúp nền kinh tế minh bạch hơn.

Thứ tư, tham gia TPP thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ

Thỏa thuận TPP sẽ giảm đáng kể thuế nhập khẩu áp dụng cho các hàng may mặc Việt Nam vào thị trường các quốc gia thành viên, qua đó gia tăng cạnh tranh với hàng hóa tương tự từ các nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia hay Thái Lan. Ngoài ra, TPP cũng quy định các hàng hóa Việt Nam phải sử dụng nguyên liệu tự sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu từ các thành viên TPP. Tuy nhiên, thời gian qua Việt Nam phần lớn phụ thuộc nhập khẩu nguyên vật liệu từ các nước và vùng lãnh thổ nằm ngoài TPP (Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan và một số nước trong khu vực ASEAN). Điều này sẽ thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ cũng như mở rộng quy mô sản xuất của các doanh

nh nghiệp Việt Nam. Đồng thời, giúp giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc, hiện đang cung cấp rất nhiều nguyên vật liệu trong ngành dệt may Việt Nam.

Hiện ngành công nghiệp hỗ trợ dệt may của Việt Nam yếu, nên nguyên phụ liệu, thậm chí một số loại vải phải nhập từ nước ngoài, phần lớn từ các nước ngoài TPP, như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan... Nguồn thay thế từ các nước tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương gần như không có. Vì vậy, yêu cầu điều kiện xuất xứ “từ sợi trở đi” của Hoa Kỳ áp dụng trong TPP sẽ vừa tạo thuận lợi cho công nghiệp hỗ trợ phát triển nhưng cũng gây khó khăn ban đầu cho các doanh nghiệp Việt Nam.

2.2. Thách thức và khó khăn Việt Nam tham gia TPP

Thứ nhất, hàng xuất khẩu của Việt Nam có hiệu quả kinh tế thấp, sức hấp dẫn kinh tế và khoa học công nghệ thấp, khó giữ được đối tác lâu bền, dễ thất thế khi phải cạnh tranh. Ngoài ra, xuất khẩu chủ yếu nguyên liệu thô, chưa qua sơ chế hoặc gia công đã khiến việc cạnh tranh về giá cả, chất lượng, giá trị tăng thêm của hàng hóa,... trở nên yếu. Quy mô doanh nghiệp xuất khẩu nhỏ, không thâm nhập được vào hệ thống phân phối chính khiến các doanh nghiệp xuất khẩu trở nên không bền vững, không chi phối được thị trường.

Tham gia TPP sẽ tạo ra sức ép về mở cửa thị trường, cạnh tranh đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Nếu không có sự chuẩn bị tốt, nhiều ngành sản xuất và dịch vụ có thể sẽ gặp khó khăn. Đặc biệt, ngành chăn nuôi sẽ đối mặt sự cạnh tranh quyết liệt. Các sản phẩm chăn nuôi của một số nước tham gia TPP đều theo quy trình sản xuất công nghiệp nên có lợi thế cạnh tranh vượt trội so với ngành chăn nuôi của Việt Nam.

Thứ hai, đối thủ cạnh tranh trong TPP là đối thủ mạnh về khoa học và công nghệ, văn hóa kinh doanh cao đẳng và hiện đại. Tự do hóa thương mại quá đột ngột có thể dẫn tới phá sản và tình trạng thất nghiệp ở các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh yếu. Việc giảm thu ngân sách từ giảm thuế

nhập khẩu sau khi thực hiện TPP là hệ quả chắc chắn và trực tiếp. Hơn nữa, giảm thuế quan có thể khiến luồng hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn. Hệ quả tất yếu là thị phần hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn. Sản phẩm nông nghiệp, doanh nghiệp và nông dân Việt Nam đứng trước sự cạnh tranh gay gắt trong khi đó, các hàng nông sản và nông dân là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong hội nhập.

Ba là, các nước tham gia TPP có xu hướng đàm phán nhằm giữ bảo hộ đối với nông sản nội địa. Khi đó, hàng rào phi thuế quan sẽ trở nên phổ biến hơn với yêu cầu cao hơn về chất lượng sản phẩm, trong khi đây là điểm yếu của sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Hàng nhập khẩu tăng, xuất khẩu không tìm được đường vào thị trường các nước sẽ khiến nông nghiệp đứng trước những khó khăn. Để bảo hộ hàng hóa trong nước, Việt Nam tất yếu cũng sẽ áp dụng các hàng rào phi thuế quan. Nếu rào cản kỹ thuật chưa có hoặc kém, các biện pháp vệ sinh dịch tễ không hiệu quả sẽ khiến Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ các sản phẩm chất lượng thấp, vừa ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng vừa không bảo vệ được sản xuất trong nước. Các quy định về nước thải từ trại chăn nuôi hiện nay đang gây khó khăn cho doanh nghiệp Việt Nam. Vấn đề xử lý nước thải đạt chuẩn sẽ dẫn đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp chăn nuôi tăng cao.

Bốn là, quy tắc xuất xứ hàng hóa trong TPP yêu cầu các sản phẩm xuất khẩu từ một thành viên của TPP sang các thành viên khác phải có xuất xứ “nội khối”, không sử dụng các nguyên liệu của nước thứ ba ngoài thành viên TPP mới được hưởng ưu đãi thuế suất 0%. Đây là khó khăn đối với doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam, đặc biệt là ngành xuất khẩu hàng may mặc và da giày. Việt Nam hiện chỉ chủ động được 20 - 40% nguyên liệu sản xuất ở các khâu, riêng da (gồm da thuộc và da nhân tạo) vẫn phải nhập khẩu tới 70%. Thậm chí, trong 10 doanh nghiệp da giày lớn nhất của Việt Nam chỉ có một đại diện nội địa, còn lại là liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài.

Do năng lực tự sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu còn hạn chế, ngành xuất khẩu hàng may mặc và da giày Việt Nam đang phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, chủ yếu từ Trung Quốc (nước không tham gia TPP). Vì thế, Việt Nam khó có thể đáp ứng được yêu cầu quy tắc xuất xứ hàng hóa trong TPP. Năm 2014, nhập khẩu nguyên liệu cho ngành may mặc và da giày của Việt Nam là 4,69 tỷ USD, trong đó nhập khẩu từ Trung Quốc 32,9%; Hàn Quốc 16,97%; EU 5,8%. Trong khi các đối tác trong TPP (Nhật Bản, Hoa Kỳ, Úc) chỉ chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn, tương ứng là 4,76%; 5,59% và 0,87%. Nếu vượt qua và đáp ứng được quy tắc, Việt Nam sẽ sớm thoát khỏi thực trạng là một nước gia công đơn giản, đồng thời thúc đẩy các ngành công nghiệp phụ trợ phát triển.

2.3. Sự ảnh hưởng của TPP đến Đồng bằng sông Cửu Long

Với đặc điểm là khu vực xuất khẩu nông - thủy sản chủ lực của Việt Nam sang Hoa Kỳ và các nước thành viên khác trong TPP, Đồng bằng sông Cửu Long sẽ hưởng lợi nhiều nhất khi TPP có hiệu lực. Đồng bằng sông Cửu Long chiếm hơn 19% dân số và chiếm 13% diện tích cả nước, tốc độ tăng trưởng cao hơn cả nước (năm 2015 tăng 7,8% trong khi cả nước tăng 6,8%). Chỉ riêng cây lúa đã chiếm 47% diện tích và 56% sản lượng lúa cả nước; xuất khẩu gạo từ toàn vùng chiếm tới 90% sản lượng. Chưa kể thủy sản chiếm 70% diện tích, 40% sản lượng và 60% xuất khẩu của cả nước... Nhưng Đồng bằng Sông Cửu Long đứng về phương diện thu nhập lại nghèo hơn cả nước: thu nhập bình quân đầu người với mức 40,2 triệu đồng (cả nước là 47,9 triệu đồng/người/năm). Cái nghèo khó của Đồng bằng sông Cửu Long cũng đã được chỉ ra từ lâu: làm nông nghiệp nhiều nhưng với kiểu hiện tại thì năng suất lao động thấp. Đồng bằng sông Cửu Long có hơn 53.000 doanh nghiệp hoạt động, trong đó có hơn 40% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, 20% trong công nghiệp, gần 14% trong lĩnh vực xây dựng và khoảng 7% là nông nghiệp và thủy sản.

Ngành nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long

khi TPP thực thi và các vấn đề có liên quan như tác động của TPP đến chuỗi giá trị phát triển nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long; các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng lớn theo Hiệp định AANZFTA (Hiệp định Khu vực Thương mại Tự do giữa các nước ASEAN, Australia và New Zealand) và Hiệp định TPP; các rào cản kỹ thuật (TBT – Technical Barriers to Trade) có thể có và cơ hội cho nông dân xuất khẩu; kinh nghiệm thực tiễn trong sản xuất lúa ở Úc, Nhật và Việt Nam - trong bối cảnh thực thi TPP... Theo các diễn giả, Đồng bằng sông Cửu Long có lợi thế là vùng nguyên liệu nông sản lớn của cả nước, chi phí lao động thấp nhưng quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, ứng dụng kỹ thuật cao còn hạn chế... Từ đó, trao đổi nhiều ý kiến để ngành nông nghiệp khu vực Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng được khi TPP thực thi, cụ thể như chính phủ cần thành lập nhóm chuyên trách hỗ trợ kỹ thuật và pháp lý; doanh nghiệp và nông dân cần tăng cường phương thức phối hợp sản xuất; nghiên cứu xây dựng rào cản kỹ thuật của Việt Nam đối với nông sản nhập khẩu...

Hiệp định TPP cũng như hiểu rõ hơn về những cơ hội mở ra cho Việt Nam về một thị trường lớn với nhiều mặt hàng nông nghiệp chủ lực, đầu tư xuyên quốc gia đi kèm khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp cũng đối mặt với những thách thức lớn hơn do chịu sức ép tranh tranh với hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa. Do đó, mọi người cần có chiến lược sản xuất sẵn sàng để nâng cao vị thế cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế.

Như vậy, Việt Nam cần quan tâm đến một gói giải pháp đồng bộ của cả một chuỗi ngành hàng, từ thị trường tiêu thụ cho đến lưu thông, chế biến, khâu kỹ thuật, tổ chức sản xuất và cung cấp dịch vụ đầu vào cho sản xuất và chia sẻ lợi tức từ bán hàng với nông dân. Để làm được như thế, Việt Nam cần thay đổi quan điểm từ ngành “sản xuất lúa gạo” thành ngành “công nghiệp lúa gạo”. Trên thực tế, Việt Nam sẽ không cần quá nhiều diện

tích trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long như hiện nay, mà vẫn đảm bảo được xuất khẩu. Hiện nay, một số tỉnh thành ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã nghiên cứu và áp dụng chuỗi logistic (chuỗi cung ứng) trong phân phối hàng nông sản. Cụ thể là hàng nông sản Việt Nam đang tìm đầu ra xuất khẩu mà không qua quá nhiều khâu trung gian, từ nông dân đến doanh nghiệp và người tiêu thụ nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất cho nông dân. Nhằm phát huy vai trò cầu nối giữa 4 nhà: cơ quan quản lý, cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, góp phần tăng cường liên kết, hợp tác phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập cho doanh nghiệp khu vực Đồng bằng sông Cửu Long khi Việt Nam tham gia TPP. Vì vậy, các ngành, các địa phương, nhất là các doanh nghiệp phải có sự chuẩn bị, phải chủ động nắm bắt thời cơ, điều chỉnh kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh của mình để phù hợp với xu hướng phát triển mới của thị trường.

3. Đề xuất

Việt Nam được đánh giá là nước sẽ thu lợi lớn nhất từ hiệp định này một khi đàm phán về TPP được hoàn thành. Để phát huy được cao nhất các triển vọng mà TPP đem lại, Việt Nam có thể thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, Chính phủ cần tăng cường rà soát lại hệ thống chính sách và pháp luật cho phù hợp với quy tắc chung trên thế giới, tạo ra môi trường kinh tế, kinh doanh lành mạnh, cạnh tranh, làm tiền đề cho sự phát triển của cả nền kinh tế trong tương lai.

Thứ hai, trong lĩnh vực mua sắm công, Chính phủ, các cơ quan Trung ương và địa phương cần chuẩn bị sẵn sàng về cách thức tiếp cận mới, cần công khai minh bạch hóa từng bước để sớm đáp ứng các yêu cầu một khi TPP được ký kết.

Thứ ba, Chính phủ và các cơ quan liên quan, đặc biệt là Bộ Công thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cần nhanh chóng phổ biến các kiến thức về TPP, cập nhật tình hình về đàm phán, hướng và lộ trình thực hiện cho các thành phần kinh tế trong nước, đặc biệt là các

doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề để các đơn vị này có sự chuẩn bị tích cực, sẵn sàng đối phó với những thay đổi đến từ các cam kết có lộ trình thay đổi rất ngắn của TPP.

Thứ tư, các doanh nghiệp Việt Nam cần nghiên cứu kỹ thị trường xuất khẩu, có kế hoạch rõ ràng sẽ ứng phó thế nào khi Hiệp định TPP có hiệu lực bởi các quy định về thuế suất của TPP là rất có lợi, các doanh nghiệp cần tranh thủ tận dụng. Tuy nhiên, bên cạnh thuế suất giảm, TPP cũng quy định rất chặt chẽ về vệ sinh dịch tễ (SPS) cũng như các rào cản kỹ thuật (TBT), hay như quy tắc “từ sợi trở đi” trong dệt may khiến cho việc xuất khẩu của các doanh nghiệp của Việt Nam cần được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng các yêu cầu khắt khe này.

Thứ năm, các doanh nghiệp Việt Nam cần tìm hiểu về thị trường đầu tư tại các nước trong nhóm TPP. Một khi thị trường mở cửa, có thể chúng ta sẽ phải chịu thiệt bởi sự cạnh tranh rất lớn trên sân nhà, nhưng bù lại chúng ta lại có cơ hội lớn trong việc tiếp cận đầu tư vào các thị trường mới, điều mà hiện tại hầu như các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa khai thác được.

Tóm lại, đàm phán về TPP đã kết thúc và sẽ sớm được ký kết và thực thi trong thời gian tới. Vì thế, cả Chính phủ lẫn các doanh nghiệp Việt Nam cần có những bước đi đúng đắn, chuẩn bị kỹ lưỡng cho sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực để

có thể tận dụng tối đa triển vọng mà TPP đem lại.

4. Kết luận

Hiệp định TPP được ký kết đã hình thành một khu vực thương mại tự do với 800 triệu dân, chiếm 30% kim ngạch thương mại toàn cầu và gần 40% sản lượng kinh tế thế giới. Đối với Việt Nam, việc tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa vào các thị trường rộng lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada... sẽ đem lại nhiều cơ hội cho xuất khẩu của Việt Nam, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng các hoạt động dịch vụ, tạo tiền đề cho phát triển sản xuất trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, cùng với lợi ích mà TPP có thể đem lại, Việt Nam cũng phải đối diện với không ít thách thức. Do đó, TPP cũng là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng để có thể tận dụng được tối đa những lợi ích từ TPP.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài chính. 2015. *Thuận lợi và thách thức đối với Việt Nam khi tham gia TPP*.
- Doãn, Thị Phương Anh. 2015. “Tác động của Hiệp định TPP đến nền kinh tế các nước thành viên”. *Tạp chí Tài chính*, số 1, tr.60-62.
- Ngô, Tuấn Anh. 2015. *Dịch vụ tài chính đối với thách thức hội nhập*. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn, Quốc Dũng. 2015. “Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) – Cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt Nam”. *Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 10, tr.27 -34.
- Phạm, Thị Thanh Bình. 2015. *Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương, cơ hội và thách thức đối với Việt Nam*. Viện Kinh tế và Chính trị thế giới.
- Thu, Hiền. 2015. “Cơ hội và thách thức với các doanh nghiệp”. *Tạp chí Tài chính*.
- World Bank. 2015. *Việt Nam ở đâu trong các TPP*. Hải quan Việt Nam.